

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/
Customer's Name

: CÔNG TY TNHH QT BEEONE
2. Địa chỉ/
Address

: Số nhà 30, ngõ 2, Xóm Điểm, Thôn Hữu Từ, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội
3. Tên mẫu thử/
Name of Sample

: VELTORIS - INTIMA PURE WASH
SCB: 28002/26/CBMP - HN
LÔ : 010726
4. Mô tả mẫu/
Sample Description

: Mẫu đựng trong lọ nắp kín, khối lượng: 50g, số lượng: 01 lọ
5. Ngày nhận mẫu/
Date sample received

: 06/08/2026
6. Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time

: Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/
Date of test

:
8. Ngày trả kết quả/
Date of issue

:

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT <i>No.</i>	Chỉ tiêu <i>Parameter(s)</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Kết quả <i>Result(s)</i>	Phương pháp thử <i>Test Method</i>
1	Hàm lượng Arsen (As) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,2)	ACM THA 05
2	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,1)	ACM THA 05
3	Hàm lượng Chì (Pb) *	mg/kg	KPH (LOD = 0,3)	ACM THA 05
4	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	< 10	ISO 21149:2017 /Amd 1:2022
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	/0,1g	KPH (eLOD50 = 2,8 CFU/0,1g)	ISO 22717:2015 /Amd 1:2022
6	<i>Staphylococcus aureus</i> *	/0,1g	KPH (eLOD50 = 3,5 CFU/0,1g)	ISO 22718:2015 /Amd 1:2022

1. Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.

2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.

4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).

5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).

6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Candida albicans *	/0,1g	KPH (eLOD50 = 3,2 CFU/0,1g)	ISO 18416:2015 /Amd 1:2022

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

1. Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.